

Bản án số: 228 /2017/HSPT

Ngày 14-11-2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đặng Văn Mạnh**

Các Thẩm phán: Bà **Nguyễn Thị Cảnh**

Ông **Võ Đình Thắng**

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Phan Văn Cương** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Bạch Tuyết** - Kiểm sát viên.

Ngày 14/11/2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 199/2017/HSPT ngày 10/10/2017 đối với bị cáo Dương Thị B do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 69/2017/HSST ngày 26/8/2017 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Bị cáo có kháng cáo: **Dương Thị B**, giới tính: Nữ; sinh năm 1975; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Tổ 45 phường B, quận H, thành phố Đà Nẵng; Số CMND: 201635904; Trình độ văn hóa: 05/12; Nghề nghiệp: Lao động phổ thông; Con ông Dương Quốc Đ (c) và bà Thái Thị C; Chồng là Đặng Văn T và 03 con (con lớn nhất sinh năm 1996, nhỏ nhất sinh năm 2003); Tiền án, tiền sự: Chưa; Bị cáo tại ngoại. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng và Bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ ngày 21/12/2016, Dương Thị B đang làm việc nhà cho bà Trương Thị P tại nhà số K356/40 H, phường B, quận H, thành phố Đà Nẵng thì phát hiện chiếc tủ trong phòng ngủ của bà P không khóa. Dương Thị B vào mở tủ thì thấy có 01 túi xách màu đen bên trong có 4000 USD, 01 nhẫn vàng 98 loại 2 chỉ. Dương Thị B chiếm đoạt số tài sản này. Sau đó B lấy 40 tờ tiền mệnh giá 100 USD, phía sau có ghi chữ ngân hàng địa phủ bỏ vào lại trong túi xách nhằm tránh bị bà P phát hiện.

Đến khoảng 13 giờ ngày 02/01/2017, bà Trương Thị P kiểm tra thì phát hiện bị mất tài sản nên đến Công an phường B trình báo, qua điều tra B đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tổng giá trị tài sản Dương Thị B chiếm đoạt là 95.140.000 đồng

Tại Bản án sơ thẩm số 69/2017/HSST ngày 26/8/2017 Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng đã quyết định:

Áp dụng Điểm e Khoản 2 Điều 138; Điểm p Khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Xử phạt: Dương Thị B 02 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản". Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Ngoài ra, Bản án còn quyết định về trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo bản án.

Ngày 05/9/2017 bị cáo Dương Thị B có đơn kháng cáo với nội dung: Từ trước đến nay chưa vi phạm pháp luật, đã thấy được lỗi lầm, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, hoàn cảnh gia đình khó khăn 03 con còn nhỏ - xin giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa cho rằng: Bị cáo Dương Thị B đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 4000 USD và 01 nhẫn vàng 98 với trọng lượng 02 chỉ với tổng trị giá tài sản 95.140.000 đồng của bà Trương Thị P. Do đó Bản án sơ thẩm số 69/2017/HSST ngày 26/8/2017 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng đã xử bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo Điểm e Khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng tội. Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, tuy nhiên xét thấy Bản án sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo được hưởng, xử phạt bị cáo mức án 02 năm tù là phù hợp. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ nào mới. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa bị cáo Dương Thị B cũng đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản án sơ thẩm và thừa nhận Bản án sơ thẩm đã xét xử bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo Điểm e Khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội. Bị cáo xin xem xét hoàn cảnh gia đình – giảm cho bị cáo một phần hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Dương Thị B đã khai nhận hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở khẳng định Bản án sơ thẩm số 69/2017/HSST ngày 26/8/2017 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu đã xét xử bị cáo Dương Thị B về tội “Trộm cắp tài sản” theo Điểm e Khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Dương Thị B thì thấy: Khoảng 10 giờ ngày 21/12/2016 tại nhà số K356/40 H, phường B, quận H, thành phố Đà Nẵng, Dương Thị B đã lén lút chiếm đoạt của bà Trương Thị P 4000 USD và 01 nhẫn vàng 98 trọng lượng 02 chỉ, với tổng trị giá tài sản 95.140.000 đồng.

Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác, gây mất trật tự trị an xã hội. Do đó đối với bị cáo cần xử phạt thỏa đáng. Bản án sơ thẩm đã xem xét áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo được hưởng, xử phạt bị cáo mức án 02 năm tù là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ nào mới. Do đó, căn cứ vào Điểm a Khoản 2 Điều 248 Bộ luật Tố tụng Hình sự, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Dương Thị B, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Áp dụng Điểm e Khoản 2 Điều 138; Điểm p Khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Xử phạt: Dương Thị B 02 (hai) năm tù về tội "Trộm cắp tài sản". Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt giam thi hành án.

2. Về án phí: Áp dụng Điểm b Khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo Dương Thị B phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn) án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về hình phạt về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo của bản án không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- Phòng HSNV CATP ĐN (PV27);
- VKSND quận Hải Châu;
- Công an quận Hải Châu;
- Tòa án nhân dân quận Hải Châu;
- Chi cục THA quận Hải Châu;
- Sở tư pháp TPĐN;
- Trại giam Hòa Sơn; Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Đặng Văn Mạnh